

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Số 3357 /NĐCP-KHĐT-VT
V/v báo giá vật tư Sửa chữa lớn
Hệ thống máy nén khí tổ máy 1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty và các đơn vị quan tâm

Trước tiên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý đơn vị trong thời gian qua.

Căn cứ Kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2027 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV trong đó có hạng mục Sửa chữa lớn Hệ thống máy nén khí Tổ máy số 1 nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Để có cơ sở lập dự toán và lựa chọn được đơn vị thực hiện công việc trên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá vật tư theo bảng khối lượng chi tiết đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: tại Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý đơn vị xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Hình thức báo giá: gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp (có email kèm theo)

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Tổ 4, khu 4A phường Cửa Ông, thành phố Quảng Ninh.

- Email: khdtvt.ndcp@gmail.com

- Điện thoại: 02033 731 030

- Cán bộ phụ trách kỹ thuật: Mr Ánh 0911.20 7.879

Thời gian báo giá chậm nhất vào 16h00 ngày 24 tháng 9 năm 2026

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang web TCTĐL-TKV (đăng tải);
- Trang web TKV (đăng tải);
- B/c GĐ;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu VT, NTH⁽²⁾.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



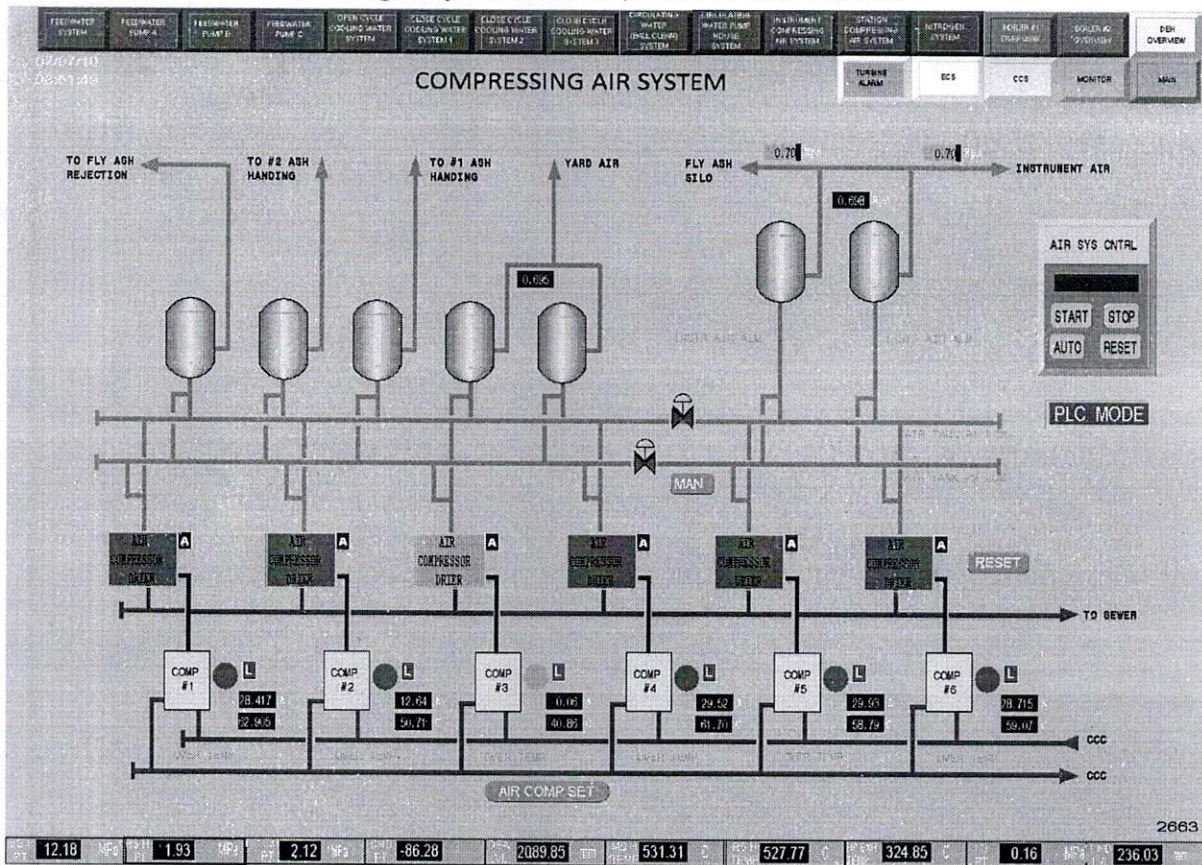
Đương Hồng Hải

(Đính kèm Công văn số 3357/NDCP-KHĐTVT ngày 18/9/2026)

1.1 Tổng quan hệ thống

Mỗi tổ máy trong nhà khí nén có 2 ống góp, trên 2 ống góp có 2 van khí cách ly nhằm mục đích cách ly hệ thống khí nén điều khiển và các hệ thống khí nén khác. Ống góp giữa hai tổ máy thông nhau, trên mỗi ống góp có một van liên thông. Khí nén điều khiển vào bình chứa khí nén qua 2 bộ lọc, để bảo đảm chất lượng của khí nén điều khiển. Đầu ra của 6 máy nén khí có 7 bình chứa khí nén, sau các bình chứa khí nén không có van liên thông giữa các bình.

Sơ đồ bố trí hệ thống máy nén khí được mô tả như hình 1.



Hình 1: Sơ đồ bố trí hệ thống máy nén khí

1.2. Thông số kỹ thuật

- Máy nén khí:

Mã hiệu:

L250-08W.

Loại:

Máy nén trục vít.

Số cấp:	1.
Năng suất cấp khí:	40 Nm ³ /phút.
Áp lực đầu ra	0,6÷0,8 Mpa.
- Động cơ:	
Mã hiệu:	UFJ 355-4.
Công suất:	250 kW.
Dòng đầy tải:	27.7 A.
Điện áp:	6300 V.
Tốc độ:	1491 vòng/phút.
Tần số:	50 Hz.
Cấp bảo vệ điện:	55 IP.
- Bộ làm khô khí kiểu hấp thụ sử dụng hạt Al ₂ O ₃ :	
Mã hiệu:	Slad-42J MXF.
Nhiệt độ khí đầu vào:	≤ 45°C..
Áp suất làm việc:	0,6÷1 Mpa.
Điểm đọng sương:	- 40°C.
Lưu lượng khí tái sinh:	4÷6 % (% theo tổng lượng khí SX).
Nhiệt độ gia nhiệt khí tái sinh đến:	160°C..
Chu kỳ vận hành:	2 giờ.
Điện áp:	380/220 V.
Tần số:	50 Hz.
Công suất định mức bộ gia nhiệt:	12 Kw.
- Bộ làm khô khí kiểu làm lạnh.	
Mã hiệu:	D2520IN-A 400/3/50.
Lưu lượng khí định mức:	42 m ³ /phút.
Điện áp định mức:	380/220 V.
Tần số:	50 Hz.
Công suất định mức:	7,53 kW.
Điểm đọng sương:	3°C.
Kiểu làm mát	Bằng quạt gió.

Phụ lục 02 – Báo giá vật tư chính Sửa chữa lớn Máy nén khí
(Đính kèm công văn số 3357 /NĐCP-KHĐTVT ngày 18/ 9 /2026)

Sửa chữa lớn 6 máy nén khí, các đơn vị quan tâm báo giá có thể tham gia báo giá các hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn đáp ứng thông số kỹ thuật, công nghệ lựa chọn phù hợp với thiết bị hiện hữu của nhà máy.

STT	Tên nội dung /vật tư, thiết bị	Thông số, đặc tính cơ bản của thiết bị, hãng sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
A	Máy nén khí	Máy nén trục vít: L250-08W ; năng suất cấp khí ≥ 40 Nm ³ /phút; áp lực đầu ra 0,6÷0,8 MPa. Động cơ: UFJ 355-4 hoặc tương đương; 250 kW; $\geq 28,9$ A; 6300 V; ~ 1491 vòng/phút; IP 55 trở lên.		
B	Vật tư chính SCL			
I	Bảo dưỡng động cơ			
1	Vòng bi	6322/C3, hãng SKF hoặc tương đương	Cái	6,00
2	Vòng bi	NU324 ECM/C3, hãng SKF hoặc tương đương	Cái	6,00
II	Sửa chữa Phần máy nén			
1	Đầu nén máy nén khí	L250-08W; Hãng SX CompAir - Mã hiệu: L250-08W - Loại: Máy nén trục vít - Số cấp: 01 - Năng suất cấp khí: 40 Nm ³ /phút - Áp lực khí đầu ra: 0,8 Mpa. Hãng SX CompAir hoặc tương đương	Bộ	6
2	Dầu bôi trơn Synthetic Oil WRG AEON S	dầu Synthetic Oil WRG AEON S (Ingersoll Rand) hoặc tương đương	Lít	840
3	Van điện từ	Burket 6014C (số chế tạo 100004670); Pmax=145psi; G1/2; 24VDC Hãng Burket hoặc tương đương	Cái	6
4	Van điện từ	Burket 0280B (số chế tạo 100004671); Pmax=232psi; G1/2; 24V DC Hãng Burket hoặc tương đương	Cái	6
5	Dây curoa	BX122	Cái	60
6	Ống dẫn khí	Mã hiệu: A91801180; hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
7	Ống mềm hút khí	Mã hiệu: 100002200 kích thước: D210xL1100mm (kèm 2 cô nhê Inox 1 vít 188-230mm)	Cái	6

0104
CÔNG
HIỆT
PHÁ
NHÂN
TY Đ
KV - C
- TP.

STT	Tên nội dung /vật tư, thiết bị	Thông số, đặc tính cơ bản của thiết bị, hãng sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
		hãng SX: Compair hoặc tương đương		
8	Phin lọc dầu	Mã hiệu: 04425274 (SH8705) hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
9	Phin lọc khí	Mã hiệu: 11516974 (SA6865) hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
10	Phin lọc tách dầu	Mã hiệu: ZS1149273 hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
11	Phốt	Kích thước: 135x106x30 (môi trường làm việc: Chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20°C÷ 200°C)	Cái	6
12	Phốt	Kích thước: 160x106x28 (môi trường làm việc: Chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20°C÷ 200°C)	Cái	6
13	Phốt	Kích thước: 41,5x57,5x18 (làm việc môi trường chịu dầu, nhiệt độ làm việc từ -20÷200°C)	Cái	36
14	Ống đồng phi 8mm dẫn dầu hồi về 2 đầu zắc co	Mã hiệu: A91801030 ; ren trong 1/2 inch; chiều dài 1,5m; kết nối 2 đầu ren trong DINEN 835.2SN; 1/4 mã WP 400Bar; ống đồng phi 8mm hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
15	Van cửa nạp (hút)	mã hiệu: A11910074; hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
16	Van 1 chiều dầu hồi	Van 1 chiều dầu hồi THJ; D10; ren trong G1/8-2.0	Cái	6
17	Van an toàn bình phân ly	Mã hiệu: ZS1208532 hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	3
18	Cảm biến áp lực khí nén	Cảm biến áp lực khí nén (Cảm biến áp suất loại: 100003136/MBS3000) (Bao gồm cả giắc cắm) -1-15bar; 4-20mA P/n: ZS1222410	Cái	12
19	Cảm biến nhiệt độ dầu	Cảm biến nhiệt độ dầu ZS1171610 902040/10 675749 2000ohm=25°C (Bao gồm cả giắc cắm) P/n: ZS1171610	Cái	6
20	Vòng bi	6203 2Z/C3 hãng SKF hoặc tương đương	Cái	6

STT	Tên nội dung /vật tư, thiết bị	Thông số, đặc tính cơ bản của thiết bị, hãng sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
21	Quạt hút buồng máy	Gồm: cánh và lồng quạt 1,1kw; 380V; 50Hz; 1440v/p; mã hiệu A11514974 Hãng:	Cái	3
22	Bảng điều khiển máy nén khí DELCOS 3100	mã hiệu: 100005506 hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	3
23	Puly dẫn động phía động cơ - MNK	Mã hiệu: A11522474 (đường kính lắp trục phi 100mm, đường kính ngoài phi 479mm, độ dày puly 200mm, kiểu đai thang 10 rãnh); hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
24	Puly dẫn động (phía đầu nén) - MNK	Mã hiệu: A11522674 TL 90 SPB 280x10 (đường kính lắp trục phi 90mm, đường kính ngoài phi 280mm, độ dày Poly 200mm, kiểu đai thang 10 rãnh); hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	6
25	Bộ kết làm mát dầu (Oil cooler) L132-250W	mã hiệu 100000944; hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	5
26	Két làm mát khí KL10.5C-00	Mã hiệu: 100000967; hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	5
III	Sửa chữa, bảo dưỡng Bộ làm khô khí kiểu làm lạnh			
1	Gas	R404A -	kg	135
2	Gas	R407C	kg	54
3	Lọc khí	Mã hiệu 24242588	Cái	6
4	Phin lọc tách ẩm	DML 306	Cái	6
5	Công tắc áp suất gas	KP15	Cái	6
6	Bảo ôn dàn lạnh	dây 10mm	m2	30
7	Keo dán đa năng	Dog X66	kg	12
8	Hóa chất tẩy rửa cầu cặn	Big Banyan 400ml	Lọ	18
IV	Sửa chữa, bảo dưỡng Bộ làm khô khí kiểu hấp thụ			
1	Hạt hút ẩm	Alumina activated Al2O3; DN=1/4"	Kg	6000
2	Lọc tinh	SLAF-42HA/A-M8 Hãng Sotras hoặc tương đương	cái	12
3	Lọc thô	SLAF-42HT/A-M10 Hãng Sotras hoặc tương đương	Cái	12
4	van điện từ	Van điện từ BM520 ; 1,5-8kg/cm2 (kèm cuộn hút 220V; 4W và giắc cắm) Hãng Shako hoặc tương đương	Cái	24

STT	Tên nội dung /vật tư, thiết bị	Thông số, đặc tính cơ bản của thiết bị, hãng sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
5	Bộ gia nhiệt bộ sấy kiểu hấp thụ	Bộ gia nhiệt bộ sấy kiểu hấp thụ MXF 12kW; 380VAC	Cái	3
6	Bộ giảm âm cho bộ sấy hấp thụ	Mã hiệu: 01001765, ren kết nối 2", KT: D133x470mm; hãng SX: Compair hoặc tương đương	Cái	12
7	Cụm van cánh bướm (van khí nén)	DN65 đi kèm bộ điều khiển bằng khí nén; Model: HTD52 (P/N:GK052DA) Hãng GEKO hoặc tương đương	Cái	12
8	Cụm van cánh bướm (van khí nén)	DN80 đi kèm bộ điều khiển bằng khí nén; Model: HTD53 (P/N:GK063DA) Hãng GEKO hoặc tương đương	Cái	12
9	Van 1 chiều	1 chiều Inox chữ ngã DN80; PN16	Cái	12
10	Bộ điều khiển PLC	Bộ sấy kiểu hấp thụ ZXX-YR-I (ZX10) Hãng Hangzhou Shanli hoặc tương đương	Cái	6
11	Van tay	Van tay gạt ½"; PN10; 2 đầu ren trong	Cái	30
V	Bảo dưỡng, sửa chữa các van trên đường ống dẫn khí, dẫn nước hệ thống khí nén			
1	Van tay	DN25; PN25 2 đầu ren trong; L=65mm	Cái	7
2	Đồng hồ áp lực	đường kính D100; 0-1.6Mpa (dán tem kiểm định)	cái	7
3	Van cầu	Inox kết nối mặt bích DN150; 8 lỗ bulong M16x100; Pn16; L=360mm	cái	90
4	Bulong	M16x100; 8.8	bộ	1440
5	Van cầu	Inox kết nối mặt bích DN100; 8 lỗ bulong M16x100; Pn16; L=270mm	cái	60
6	Bulong	M16x100; 8.8	bộ	960
7	Van cầu	inox kết nối mặt bích DN50; PN16 kg/cm2; kết nối mặt bích L=190mm	Cái	30
8	Van cầu	inox kết nối mặt bích DN100; PN16 kg/cm2; kết nối mặt bích; L=270mm	Cái	60
9	Bulong	M16x50, inox 304; 8.8	Bộ	960
10	Bulong	M12x50, inox 304; 8.8	Bộ	960